

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày: 02/02/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Công;
- Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/02/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 364/2025/TLST-DS ngày 10/11/2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2025/QĐXXST-DS ngày 25/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2026 /QSDST-DS ngày 15/01/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký tài liệu: Ông Trần La Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tổ tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lee Yun H: Công ty L; Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Tất T – Chức vụ Giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC, ngày 17/4/2025).

Người được ủy quyền lại: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 401, tầng D, Tòa nhà số G, T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/8/2025).

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn A1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Nguyễn Thị Lan A.

Vắng mặt không lý do: Anh Trần Tuấn A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 15/01/2025, Công ty T2 (viết tắt Công ty T2) ký Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 6242896 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho anh Trần Tuấn A1 với khoản vay trị giá 20.044.404 đồng (giải ngân ngày 15/01/2025), mức lãi suất: 55%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho anh Trần Tuấn A1.

Theo Hợp đồng tín dụng, anh Tuấn A1 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 2.355.240 đồng trong kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 15/02/2025 đến ngày 15/01/2026. Tuy nhiên sau khi được giải ngân, kể từ 15/02/2025 anh Tuấn A1 đã không thanh toán theo nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty T2 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại để thông báo trực tiếp cho anh Tuấn A1 thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, anh Tuấn A1 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T2.

Tính đến ngày 02/10/2025 tổng số tiền anh Tuấn A1 phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là 27.818.629 đồng, gồm: Dư nợ gốc 20.044.404 đồng; Tiền lãi trong hạn: 4.875.947 đồng; T1 lãi quá hạn 2.737.055 đồng; Tiền lãi chậm trả 161.223 đồng.

Do đó, Công ty T2 đề nghị Tòa án buộc anh Tuấn A1 thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T2 với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi), tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 27.818.629 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Tuấn A1: Vắng mặt tại các phiên làm việc, hòa giải và không có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Anh Trần Tuấn A1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán, Thư ký và tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Tuấn A1 vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty T2, buộc Trần Tuấn A1 có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 27.818.629 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu anh Tuấn A1 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6242896 ngày 15/01/2025, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là BLTTDS) xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Tuấn A1 cư trú tại số E, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Tuấn A1 vắng mặt không lý do. Theo Công văn số 16/XN-CAX-CSKV ngày 26/11/2025 của Công an xã P thông tin anh Trần Tuấn A1 có đăng ký cư trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp, nên Tòa án tiến hành tổng đạt cho người cùng hộ, niêm yết tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Nghĩa vụ chứng minh:

Công ty T2 khởi kiện yêu cầu anh Trần Tuấn A1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay tín dụng còn nợ, có nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh và tham gia làm việc tại Tòa án để bảo vệ các yêu cầu của Công ty T2.

Đối với anh Tuấn A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên làm việc, hòa giải, được thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ biết được toàn bộ nội dung vụ án nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản ý kiến là xem như từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

[2.2] Xác lập Hợp đồng tín dụng:

Theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6242896 ngày 15/01/2025 là hợp đồng điện tử ký theo phương thức chữ ký số. Công ty T2 có cung cấp hồ sơ chữ ký số, gồm: Hợp đồng đối tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA số 2020.123/HĐKT/BK6, kèm theo phụ lục 01, 03, 05 (bút lục 50 – 69), phụ lục 06 (bút lục 97 – 99) và Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số FPT – CA tên thuê bao Trần Tuấn A1 (bút lục 39). Như vậy, Công ty T2 đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh việc xác lập hợp đồng vay điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử năm 2005. Về phía anh Tuấn A1 không có ý kiến phản đối.

Việc xác lập giao dịch dân sự giữa Công ty T2 và anh Trần Tuấn A1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật về hình thức hợp đồng điện tử và nội dung, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại mục 4 Bộ luật dân sự 2015 (viết tắt BLDS), Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (viết tắt Luật CTCTD), nên được thừa nhận và bảo vệ, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, do đó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia.

[2.3.] Thực hiện Hợp đồng:

Theo hợp đồng tín dụng, Công ty T2 cho anh Tuấn A1 vay 21.400.000 đồng (bao gồm phí bảo hiểm), lãi suất: 55%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Ngày 15/01/2025, Công ty T2 đã giải ngân khoản vay vào tài khoản của H2 kinh doanh Trần Thanh V, số tài khoản 0391000975674 tại Ngân hàng TMCP N, theo Phiếu báo nợ (bút lục số 44) đúng với tài khoản bên bán hàng hóa/dịch vụ theo quy định tại mục 7.4 Điều 7 Phần B hợp đồng tín dụng. Như vậy, Công ty T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay.

Đối với nghĩa vụ của anh Tuấn A1: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng anh Tuấn A1 có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 12 tháng, mỗi tháng anh Tuấn A1 phải thanh toán cho Công ty T2 số tiền là 2.355.240 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 15/02/2025 (kỳ thanh toán đầu tiên) anh Tuấn A1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Anh Tuấn A2 cũng không có ý kiến phản đối. Như vậy, anh Tuấn A2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 3, Điều 8 Phần B hợp đồng tín dụng nên Công ty Asset dụng chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và thu hồi nợ theo Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay.

[2.4.] Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng vay trước thời hạn:

Theo đó, mục 8.3 Điều 8 Phần B Hợp đồng tín dụng quy định về trả nợ trễ hạn và Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay thì ngoài nợ gốc, anh Tuấn A2 còn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định Điều 100 Luật CTCTD, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng

chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, Công ty T2 khởi kiện yêu cầu anh Trần Tuấn A1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ và tiền lãi, tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 27.818.629 đồng, gồm: Nợ gốc 20.044.404 đồng; Lãi trong hạn 4.875.947 đồng; Lãi quá hạn 2.737.055 đồng; Lãi chậm trả 161.223 đồng (kèm theo Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2025) là có căn cứ nên chấp nhận.

Công ty T2 yêu cầu buộc anh Tuấn A1 thanh toán cho Công ty T2 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, với mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 nên chấp nhận yêu cầu này.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty T2 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, được nhận lại 696.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Trần Tuấn A1 phải chịu 1.390.932 đồng, làm tròn là 1.391.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (là 5% x 27.818.629 đồng phải thanh toán cho Công ty T2) theo quy định tại án cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 463, 465 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N1.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) đối với anh Trần Tuấn A1.

1.1. Buộc anh Trần Tuấn A1 thanh toán Công ty T2 (Việt Nam) số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 27.818.629 đồng, gồm: Nợ gốc 20.044.404 đồng; Lãi trong hạn 4.875.947 đồng; Lãi quá hạn 2.737.055 đồng; Lãi chậm trả 161.223 đồng.

1.2. Buộc anh Trần Tuấn A1 tiếp tục thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 03/10/2025 đến khi thanh toán xong nghĩa vụ với mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6242896 ngày 15/01/2025.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty T2 (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 696.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006813 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Anh Trần Tuấn A1 phải chịu 1.391.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T2 (Việt Nam), anh Trần Tuấn A1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV7 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Xuyên